

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

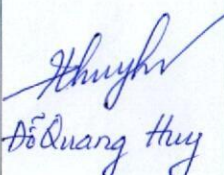
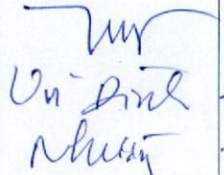
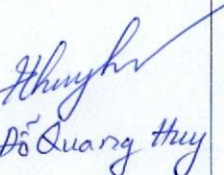
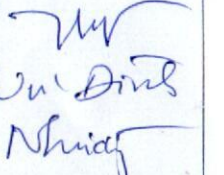
Môn học: **Thực tập lò hơi (228327) - Nhóm 01**

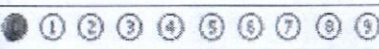
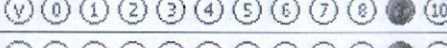
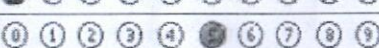
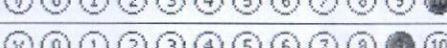
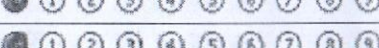
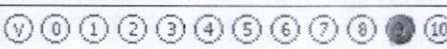
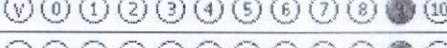
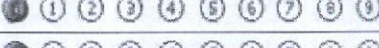
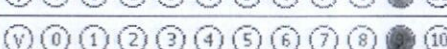
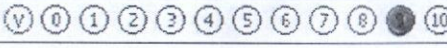
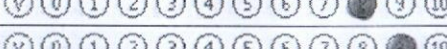
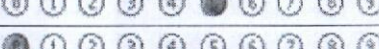
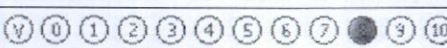
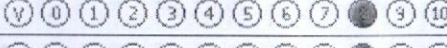
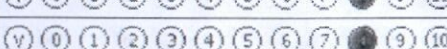
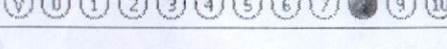
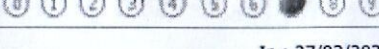
CBGD: **Đỗ Quang Huy (280022)**

Số SV có mặt: 31.....

Số bài thi: 31.....

Số tờ giấy thi: 31.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180006	NGÔ MINH ÂU	06/11/2003	CCQ2118A				9,0	9,0	9,0		
2	2121180044	TRẦN HẢI ÂU	30/11/2003	CCQ2118B				9,5	9,5	9,5		
3	2121180021	VÕ CAO BẢO	13/08/2003	CCQ2118A				9,0	9,0	9,0		
4	2121180067	TRẦN QUỐC CƯỜNG	02/06/2003	CCQ2118B				9,5	9,5	9,5		
5	2121180056	CAO NHẤT DANH	28/06/2003	CCQ2118B				9,5	9,5	9,5		
6	2121180046	NGUYỄN HOÀN ĐIỀU	10/07/2003	CCQ2118B				10,0	10,0	10		
7	2121180014	TRỊNH MINH DU	14/12/2003	CCQ2118A				9,0	9,0	9,0		
8	2121180048	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	06/05/2003	CCQ2118B				9,5	9,5	9,5		
9	2121180018	TRẦN QUÍ ĐÀI	09/10/2003	CCQ2118A				9,0	9,0	9,0		
10	2121180004	TRỊNH VĂN HIỀN	08/05/2003	CCQ2118A				9,0	9,0	9,0		
11	2121180032	NGUYỄN QUỐC HIỆP	16/06/2003	CCQ2118A				9,5	9,5	9,5		
12	2121180022	HỒ CHÂU NGỌC HIẾU	24/01/2003	CCQ2118A				9,5	9,5	9,5		
13	2121180017	HUYỀN TRỌNG HIẾU	18/12/2003	CCQ2118A				8,5	8,5	8,5		
14	2121180030	NGUYỄN KẾ HỌC	07/05/2003	CCQ2118A				9,0	9,0	9,0		
15	2121180023	LÊ ĐĂNG HUY	28/04/2003	CCQ2118A				8,5	8,5	8,5		
16	2121180027	DƯƠNG LÂM KHANG	02/07/2003	CCQ2118A				9,0	8,0	8,4		
17	2121180028	ĐÀO TRỌNG KHÁNH	03/07/2003	CCQ2118A				8,0	8,0	8,0		
18	2121180009	ĐẶNG TRUNG KIÊN	05/09/2003	CCQ2118A				8,5	8,5	8,5		
19	2121180026	TĂNG CHÂU BÌNH LINH	29/05/2003	CCQ2118A				9,0	8,0	8,4		
20	2121180008	TRẦN VĂN MẠNH	14/01/2003	CCQ2118A				9,0	8,5	8,7		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

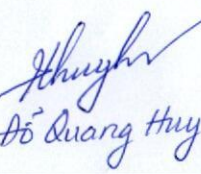
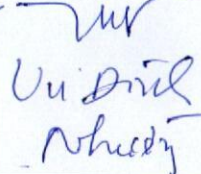
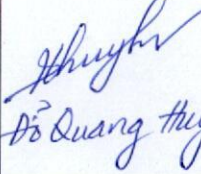
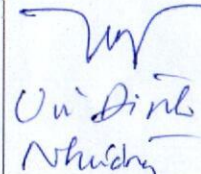
Môn học: **Thực tập lò hơi (228327) - Nhóm 01**

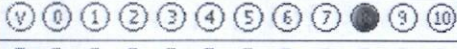
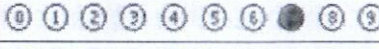
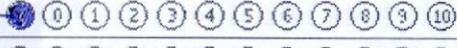
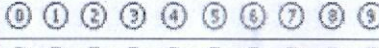
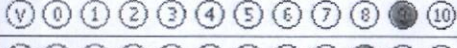
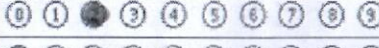
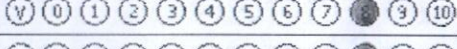
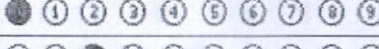
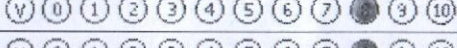
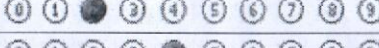
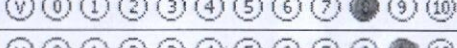
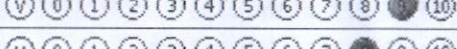
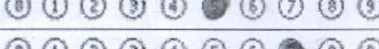
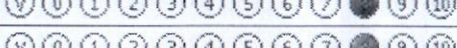
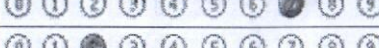
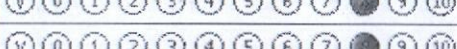
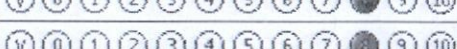
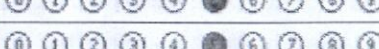
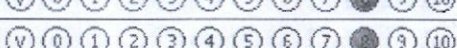
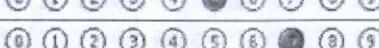
CBGD: **Đỗ Quang Huy (280022)**

Số SV có mặt: 31.....

Số bài thi: 31.....

Số tờ giấy thi: 31.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180031	VĂN QUYẾT CÔNG NHÃN	12/04/2002	CCQ2118A				9,0	8,5	8,7		
22	2121180035	TRẦN ĐỨC	28/07/2003	CCQ2118A								
23	2121180003	ĐẶNG MINH NHỰT	22/05/2002	CCQ2118A				9,5	9,0	9,2		
24	2121180016	PHAN HOÀNG PHÚC	30/06/2003	CCQ2118A				8,0	8,0	8,0		
25	2121180002	NGUYỄN THẾ QUẢNG	03/03/2003	CCQ2118A				8,5	8,0	8,2		
26	2121180034	NGUYỄN QUANG THƯỜNG	07/03/2003	CCQ2118A				9,0	8,0	8,4		
27	2121180013	NGUYỄN THÀNH TIN	12/12/2003	CCQ2118A				9,5	9,5	9,5		
28	2121180005	NGUYỄN VĂN TOÀN	19/07/2003	CCQ2118A				9,0	8,5	8,7		
29	2121180012	NGUYỄN TẤN TRIỆN	20/06/2002	CCQ2118A				8,5	8,0	8,2		
30	2121180029	NGUYỄN MINH TRỌNG	09/10/2003	CCQ2118A				8,5	8,5	8,5		
31	2121180001	ĐỖ ĐAN TRƯỜNG	18/08/2003	CCQ2118A				8,5	8,5	8,5		
32	2121180007	ĐẶNG BẢO TUẤN	26/01/2003	CCQ2118A				9,0	8,5	8,7	